TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày: 08-02-2023.
V/v "Đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thủ.

2. Bà Mai Thị Bỉ.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trương Thị Luyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ.

- *Đại diện Viện sát nhân dân huyện Tân Trụ tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2022/TLST-DS, ngày 12 tháng 12 năm 2022, về việc "Đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số xx, Ấp x, xã Q, huyện T, tỉnh L. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Ấp x, xã Q, huyện T, tỉnh L. Có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn G và lời trình bày trong quá trình tố tụng như sau:

Năm 2004, do được đền bù quyền sử dụng đất, bà ngoại tên Hồ Thị T có cho ông 50.000.000đ và 04 chỉ vàng 24K nhưng bà T đưa tiền, vàng giao cho bà Trần Thị B1 (mẹ của ông G) và dặn đưa lại cho ông. Tuy nhiên, bà B1 không đưa lại số tiền và số vàng nêu trên cho ông. Năm 2004 bà T chết, năm 2022 bà B1 chết. Ông Lê Văn B là anh em cùng mẹ khác cha với ông. Ông B là người sống cùng bà B1 cho tới khi bà B1 chết nên ông B biết về số tiền 50.000.000đ và 04 chỉ vàng 24K. Vì vậy, ông yêu cầu ông B trả cho ông 50.000.000đ và 04 chỉ vàng 24K.

Bị đơn, ông Lê Văn B có đơn đề nghị vắng mặt và có ý kiến như sau:

Ông không có sống cùng với bà B1 như ông G trình bày. Ông không biết gì về số tiền đền bù 50.000.000đ và 04 chỉ vàng 24K mà bà T cho ông G nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông G.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể là không yêu cầu ông Lê Văn B trả 04 chỉ vàng 24K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An phát biểu:

Về hình thức: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 50.000.000đ.

Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả 04 chỉ vàng 24K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn G yêu cầu ông Lê Văn B trả số tiền được bà T cho; ông B hiện đang sinh tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên làm phát sinh "tranh chấp đòi tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại các Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn G không yêu cầu ông Lê Văn B trả 04 chỉ vàng 24K và rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[4] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 50.000.000đ do bà Hồ Thị T cho nhưng bị đơn không đồng ý. Nguyên đơn xác định bà Hồ Thị T (bà ngoại) có cho nguyên đơn 50.000.000đ nhưng đưa cho Trần Thị B1 (mẹ) giữ. Hiện nay, bà T và bà B1 đã mất nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền trên. Xét, giữa nguyên đơn và bị đơn không có xác lập giao dịch dân sự; Nguyên đơn cho rằng bị đơn sống chung với bà B1 nên phải có nghĩa vụ trả số tiền nhưng nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là bị đơn có sử dụng số tiền của nguyên đơn; Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày, năm 2004 bà T bị bệnh nguyên đơn có đến thăm bà T và được biết bà T cho ông số tiền 50.000.000đ, bà B1 là người giữ tiền và ông có yêu cầu bà B1 trả tiền cho ông nhưng bà B1 xác định không có nhận tiền của bà T, không đồng ý trả. Bà T, bà B1 không có văn bản thể hiện ông B có đang quản lý, sử dụng số tiền 50.000.000đ. Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 50.000.000đ.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi tài sản với bị đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng do nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, nguyên đơn có đơn yêu cầu nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G "Đòi tài sản" với ông Lê Văn B về việc yêu cầu ông B trả số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G về việc yêu cầu ông Lê Văn B trả 04 chỉ vàng 24K.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn G được miễn án phí.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Tân Trụ;
-THA DS huyện Tân Trụ;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thoa